

Bản án số: 48/2019/ DS-PT
Ngày: 02/4/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Thi

Ông Võ Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26 tháng 3 và ngày 02 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2018/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 84/2019/QĐ-PT ngày 6 tháng 3 năm 2019 giữa các đương

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ

Địa chỉ: số 130 Phan Đăng L, phường 3, quận P, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ. Theo Quyết định ủy quyền số 122/QĐ-DAB-HĐQT ngày 27/4/2016 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Ngô Hoàng T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ– Chi nhánh K. Theo Quyết định ủy quyền số 174/QĐ-DAB-PC ngày 13/02/2018 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Ủy quyền lại cho: Ông Trần Hòa Nh – Chức vụ: Nhân viên Thẩm định Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ– Chi nhánh K. Theo Giấy ủy quyền ngày 03/4/2018 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ– Chi nhánh K. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Đinh Thị Huyền Tr – sinh năm 1991.

Địa chỉ: số 186, tổ 01, khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hữu H – sinh năm 1963. (Có mặt).

Địa chỉ: số 397, đường tỉnh 921, ấp T, xã Tr, huyện C, thành phố C.

- *Người kháng cáo:* chị Đinh Thị Huyền Tr là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Đại diện là ông Trần Hòa Nhã trình bày:**

Vào ngày 08/5/2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (sau đây được viết tắt là Ngân hàng Đ) – Chi nhánh K có ký Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 93/TC-14-2013 ((hợp đồng trên hệ thống quản lý thấu chi số 785/TC/14-13), sau đây được viết tắt là Hợp đồng số 93) với chị Đinh Thị Huyền Tr, cụ thể như sau: Hạn mức thấu chi: 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng); Thời hạn thấu chi là 12 tháng kể từ ngày cấp hạn mức thấu chi; Lãi suất trong hạn: 16,8%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 1,5 lần lãi suất thấu chi trong hạn, hình thức vay tín chấp nên khi vay chị Tr không thể chấp trả sản, vì chị Đinh Thị Huyền Tr là cổ đông của Ngân hàng Đ, nên căn cứ vào giấy đề nghị cấp hạn mức thấu chi do chị Tr tự nguyện cam kết thì hàng tháng Ngân hàng Đ tự động trích lãi từ số cổ phần của chị Tr vào phần tiền lãi của khoản vay. Vào ngày 14/5/2013 chị Tr được nhận số cổ tức là 9.500.000đ, nên ngày 15/5/2013, chị Tr đã chuyển khoản đến tài khoản mang tên Đinh Thị Kim Thoa số tiền là 9.400.000đ, số cổ tức này khách hàng được sử dụng, cũng vào ngày 15/5/2013, chị Tr bắt đầu sử dụng thấu chi với việc chuyển khoản đến tài khoản mang tên Nguyễn Chí Nhiều số tiền là 798.907.361đ; Do đó, Ngân hàng Đ bắt đầu tính lãi từ ngày 15/5/2013 và vào các ngày 07/6/2013, 27/8/2013, 06/5/2014 và dùng cổ tức hàng tháng mà chị Tr được nhận để đóng lãi cho khoản vay trên. Tính đến nay chị Tr đã đóng lãi được số tiền là 47.500.317đ từ số cổ tức mà chị Tr được nhận. Khi số nợ đã quá hạn, Ngân hàng Đ cũng đã thông báo nhiều lần nhưng vẫn chưa thanh toán, tạm tính

đến ngày 06/10/2018 chi Tr còn nợ của Ngân hàng Thương Đ tổng cộng số tiền gốc và lãi là 1.787.439.664đ (trong đó, nợ gốc là 799.347.911đ, tiền lãi trong hạn là 86.417.106đ, tiền lãi quá hạn là 901.424.647đ và phí thường niên - phí thẻ hàng năm là 250.000đ).

Nay Ngân hàng Đ yêu cầu chi Tr phải thanh toán một lần tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/10/2018 là 1.787.439.664đ và lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

*** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Đinh Thị Huyền Tr là ông Phạm Hữu H trình bày:** Ông xác nhận chi Tr có vay của Ngân hàng Đ số tiền gốc là 799.347.911đ và thời gian vay, lãi suất vay như lời trình bày của phía Ngân hàng, nhưng ông cho rằng Hợp đồng số 93 là hợp đồng có tài sản bảo đảm, cụ thể là Điều 4 mục 4.2, tại Điều 5 mục 5.1.5 và 5.2.3 của Hợp đồng số 93 và Giấy đề nghị cấp hạn mức thấu chi (dành cho cổ đông DAB) là hợp đồng thế chấp bằng tài sản bảo đảm là 100.000 cổ phần theo mã cổ đông DAB 092382 của Ngân hàng Đ, nên việc cho vay là trái quy định của pháp luật, vi phạm khoản 5 Điều 126 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Ngoài ra, ông còn cho rằng Hợp đồng số 93 không được đánh số Tr và các bên không ký từng Tr là không phù hợp với nguyên tắc giao kết hợp đồng thông thường và trong toàn bộ hợp đồng không thể hiện mục đích vay là không đúng quy định.

Nay chị Tr phản tố yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 93/TC-14-2013 ngày 08/5/2013 giữa chi Tr và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ là vô hiệu. Chị Tr đồng ý dùng tài sản đảm bảo của mình là 100.000 cổ phần để thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng, nếu không đủ trả nợ thì cam kết sẽ thanh toán hết phần nợ còn lại cho Ngân hàng. Ngoài ra, chị Tr không yêu cầu gì khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2018/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh K đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản đối với chị Đinh Thị Huyền Tr.

Bác yêu cầu phản tố của chị Đinh Thị Huyền Tr về việc yêu cầu tuyên Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 93/TC-14-2013 ngày 08/5/2013 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và chị Đinh Thị Huyền Tr là vô hiệu.

2. Buộc chị Đinh Thị Huyền Tr phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/10/2018 là 1.787.439.664đ (Một tỷ bảy trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi bốn đồng) và lãi phát sinh đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ngày 22/10/2018 chị Đinh Thị Huyền Tr kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố tuyên hợp đồng thấu chi số 93/TC-14-2013 ngày 08/5/2013 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với chị vô hiệu và xử lý hậu quả giao dịch vô hiệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn cho rằng theo đề nghị của chị Tr nên Ngân hàng Đ đã tự động trích lãi từ các cổ phần để thu hồi nợ và cũng đã phong tỏa, lưu ký 100.000 cổ phần đúng như theo đề nghị của chị Tr, còn hạn mức cho vay là do chị Tr là cổ đông nên có uy tín cao với Ngân hàng vì vậy mà mức cho vay cũng được xét cao, ngân hàng không có giữ tài sản gì của chị Tr nên hợp đồng vay này không phải là hợp đồng thế chấp, do đó yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Về phía bị đơn vẫn cho rằng hợp đồng số 93 là hợp đồng vay có thể chấp và như lời khai tại cấp sơ thẩm, tuy nhiên bị đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của chị Đinh Thị Huyền Tr, Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đều thống nhất vào ngày 08/5/2013 chị Tr có ký kết Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 93/TC-14-2013 vay của Ngân hàng Đ số tiền gốc là 799.347.911 đồng. Tính đến ngày 06/10/2018 tổng số tiền gốc và lãi chị Tr còn nợ là 1.787.439.664 đồng (trong đó, nợ gốc là 799.347.911 đồng, lãi trong hạn 86.417.106 đồng, lãi quá hạn 901.424.647 đồng và phí thường niên là 250.000 đồng). Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

[2] Xét yêu cầu phản tố của chị Tr, thấy rằng: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, các bên không có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm là 100.000 cổ phần của chị Tr tại Ngân hàng Đ. Trong văn bản số 327/2018/CV-DAS của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chứng

kho án Ng ân hàng Đ (DAS; sau đây viết là Công ty chứng kho án) thể hiện chị Đinh Thị Huyền Tr đã được cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần nhưng chị Tr chưa đến nhận và hiện vẫn còn đang được lưu giữ tại Công ty chứng kho án. Hơn nữa, tại Điều 3-mục 2 của Hợp đồng số 93 cũng thể hiện hình thức đảm bảo thấu chi là tín chấp. Như vậy, lời khai của chị Tr cho rằng có thể chấp 100.000 cổ phần cho Ng ân hàng Đ là không có cơ sở, bởi lẽ chị Tr tự viết giấy đề nghị và cam kết với Ng ân hàng Đ để được xem xét cấp hạn mức thấu chi trước khi hai bên ký kết Hợp đồng số 93.

[3] Đối với lời khai cho rằng Hợp đồng số 93 không được đánh số Tr và các bên không ký từng Tr, hợp đồng không ghi cụ thể mục đích vay. Xét thấy, tại giai đoạn sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm phía chị Tr vẫn không đưa ra được bản gốc hợp đồng để đối chiếu chứng minh cho việc hợp đồng bị đánh tráo, trong khi tại tiểu mục 6.4 Điều 6 của Hợp đồng có ghi rõ nội dung *“Hợp đồng được lập thành hai bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một bản”*. Việc Hợp đồng số 93 không thể hiện mục đích vay cũng không làm ảnh hưởng giá trị pháp lý của Hợp đồng, vì nội dung của Hợp đồng hình thành trên sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên và sự thỏa thuận này không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

[4] Từ những cơ sở và nhận định nêu trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ng ân hàng Đ và bác yêu cầu phản tố của chị Đinh Thị Huyền Tr là hoàn toàn có căn cứ, nên trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát về việc không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của chị Đinh Thị Huyền Tr, giữ nguyên bản án sơ thẩm

[5] Về án phí phúc thẩm: Chị Tr phải chịu 300.000 đồng do Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 463, Điều 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi bổ sung năm 2017); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc; Ph áp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án

- Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của chị Đinh Thị Huyền Tr.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2018/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh K.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ về việc tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” đối với chị Đinh Thị Huyền Tr.

2. Bác yêu cầu phản tố của chị Đinh Thị Huyền Tr về việc yêu cầu tuyên Hợp đồng dịch vụ thầu chi trả khoản thẻ số 93/TC-14-2013 ngày 08/5/2013 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và chị Đinh Thị Huyền Tr là vô hiệu.

3. Buộc chị Đinh Thị Huyền Tr phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/10/2018 là 1.787.439.664đ (*Một tỷ bảy trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi bốn đồng*) và lãi phát sinh đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất của Hợp đồng dịch vụ thầu chi trả khoản thẻ số 93/TC-14-2013 ngày 08/5/2013 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ với chị Đinh Thị Huyền Tr.

3. Về án phí

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị Huyền Tr phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 65.623.189đ (Sáu mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn một trăm tám mươi chín đồng).

Chị Đinh Thị Huyền Tr phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005048 ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền là 29.375.000đ (Hai mươi chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005002 ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc chị Đinh Thị Huyền Tr phải nộp 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005226 ngày 22/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đình Thi

Võ Văn Huyền

Đặng Thị Bích Vân